

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



NGUYỄN THANH TÙNG

**SỰ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG THI HỌC VIỆT NAM TỪ
THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số : 62.22.34.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI - 2010

Luận án được hoàn thành tại:

KHOA NGỮ VĂN - TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Đăng Na

Phản biện 1: PGS. TS Trần Ngọc Vương

Trường ĐHKHXH&NV, ĐH Quốc gia Hà Nội.

Phản biện 2 : PGS. TS Trần Thị Băng Thanh

Viện Văn học Việt Nam.

Phản biện 3 : PGS. TS Lại Văn Hùng

Viện Từ điển & Bách khoa thư Việt Nam.

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước

Họp tại: Trường ĐHSP Hà Nội.

Vào hồi.....giờ..... ngày.....tháng.....năm 2010

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thanh Tùng (2005). “Vài nét về ảnh hưởng Đạo gia - Đạo giáo trong thơ ca Việt Nam giai đoạn thế kỉ X - XIV”, *Văn học so sánh, nghiên cứu và thảo luận*, Trần Đình Sử - Lã Nhâm Thìn - Lê Lưu Oanh (tuyển chọn), Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội, trang 147 - 158.
2. Hà Văn Minh, Nguyễn Thanh Tùng (2005). “Giới thiệu tình hình văn bản một số bộ thi tuyển của Việt Nam thời trung đại”, *Tạp chí Khoa học*, Trường ĐHSP Hà Nội, số 5, trang 17 - 21.
3. Nguyễn Thanh Tùng (2006). “Nhìn lại quan niệm về thơ của học giả Lê Quý Đôn”, *Tạp chí Khoa học*, Trường ĐHSP Hà Nội, số 2, trang 13 - 19.
4. Nguyễn Thanh Tùng (2007). “Vài nét về văn bản và giá trị của Thương Sơn thi thoại”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 3, trang 33 - 40.
5. Nguyễn Thanh Tùng (2007). “Tư tưởng thi học của Phạm Nguyễn Du trong nền thi học Việt Nam thế kỉ XVIII”, *Tạp chí Khoa học*, Trường ĐHSP Hà Nội, số 5, trang 11 - 17.
6. Nguyễn Thanh Tùng (2008). “Vài nét về thuyết tính linh trong tư tưởng thi học Việt Nam thời trung đại”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 1, trang 108 - 115.
7. Nguyễn Thanh Tùng (2008). “Lược khảo về thi thoại Việt Nam”, *Đặc san Khoa học*, Trường ĐHSP Hà Nội, trang 67 - 74.
8. Nguyễn Thanh Tùng (2008). “Quan niệm thi học của Nguyễn Công Trứ”, *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Đoàn Tử Huyền chủ biên, Nxb Nghệ An, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, trang 1041 - 1050.
9. Nguyễn Thanh Tùng (2009). “*Chương Dân thi thoại* - cầu nối giữa thi học Việt Nam trung đại và hiện đại”, *Tạp chí Khoa học*, số dành riêng công bố các công trình khoa học của cán bộ trẻ Trường ĐHSP Hà Nội, trang 34 - 46.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Khi tiếp cận và thưởng thức văn học trung đại Việt Nam, ngoài yếu tố ngôn ngữ - văn tự, công chúng ngày nay còn phải vượt qua một số rào cản nữa mà nổi bật là sự khác biệt về mặt quan niệm, tư tưởng văn học giữa thời trung đại với thời hiện đại. Nếu vượt qua được rào cản này, chúng ta sẽ đến gần hơn với di sản văn học của người xưa. Vì vậy, tìm hiểu quan niệm, tư tưởng văn học trung đại là một vấn đề khá cấp thiết.

1.2. Trong hệ thống tư tưởng văn học trung đại Việt Nam, tư tưởng thi học có vị trí quan trọng nhất. Tư tưởng thi học trung đại Việt Nam xuất hiện khá sớm, tồn tại suốt thời kỳ văn học trung đại và để lại khá nhiều tư liệu và thành tựu so với lí luận, nhận thức về các thể loại khác. Hơn nữa, tư tưởng thi học là một trong những dạng lí luận gần gũi nhất với nhận thức của chúng ta ngày nay về “lí luận văn học đích thực”. Muốn chất lọc “tinh hoa lí luận văn học” của người xưa, không thể không tìm hiểu vấn đề trên.

1.3. Tư tưởng văn học nói chung và tư tưởng thi học nói riêng gắn bó chặt chẽ với lịch sử văn học, nhưng bản thân chúng cũng có lịch sử riêng, có quá trình vận động, phát triển nội tại. Vì vậy, bên cạnh việc nghiên cứu tư tưởng văn học nói chung và tư tưởng thi học nói riêng như một hiện tượng khái quát (đồng đại), xem xét nó với tư cách một quá trình (lịch đại) cũng có ý nghĩa không nhỏ và là một nhu cầu cấp thiết.

1.4. Trong chương trình “ngữ văn”, “văn học”, “văn hóa học”,... ở nhà trường, các tác phẩm thơ ca trung đại Việt Nam và một số tư liệu tư tưởng thi học trung đại có vị trí đáng kể. Vì vậy, một công trình nghiên cứu về “sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX” sẽ cung cấp thêm những kiến thức cần thiết cho hoạt động nghiệp vụ sư phạm và có ý nghĩa về mặt giáo dục khá sâu sắc.

2. Mục đích nghiên cứu

Luận án được tiến hành với những mục đích sau đây: *Thứ nhất*, tìm hiểu cơ sở hình thành và phát triển của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam, nói khác đi tìm hiểu các tác nhân chủ yếu dẫn tới sự hình thành và phát triển đó cũng như các cơ chế tác động, ảnh hưởng quyết định đến diện mạo, đặc điểm cơ bản của nó; *Thứ hai*, khảo sát các giai đoạn phát triển của tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX qua phân tích, tìm hiểu các vấn đề cơ bản, những nét

lớn nhất từ đó dựng lại tiến trình và diện mạo của chúng; *Thứ ba*, cố gắng rút ra một số xu hướng, logic phát triển cơ bản, nổi bật trong tư tưởng thi học trung đại Việt Nam trong khoảng mười thế kỉ để bổ sung cho kho tàng kiến thức đầy tiềm năng về lí luận văn học, văn học sử Việt Nam.

3. Lịch sử vấn đề

3.1. *Tình hình nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX trước 1945*

Tình hình nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX trước 1945 còn rất tản mạn, tự phát, chủ yếu theo hai dạng: *Một là*, các công trình hoàn chỉnh, nghiên cứu về văn học sử, thi pháp có đề cập đến tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X-XIX; *Hai là*, các bài viết riêng lẻ (hầu hết đăng báo) có đề cập đến tư tưởng thi học trung đại, trong xu hướng tranh luận về “thơ mới” và “thơ cũ”. Tuy nhiên, ở đây, tư tưởng thi học trung đại Việt Nam chưa được tách ra nghiên cứu như một đối tượng khách quan, độc lập. Trong không khí coi trọng quốc văn, họ lại chủ yếu nói đến thi học thơ Nôm, do vậy, tính bao quát, khái quát còn hạn chế. Bên cạnh đó, một số tư liệu về tư tưởng thi học trung đại Việt Nam đã được chuyển dịch, công bố trên các ấn phẩm báo chí và các công trình biên khảo riêng lẻ cũng góp phần quan trọng cho công việc nghiên cứu sau này.

3.2. *Tình hình nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X-XIX từ 1945 đến nay*

3.2.1. *Thành tựu dịch thuật*

Tiếp nối giai đoạn trước, việc chuyển dịch được tiến hành rầm rộ từ cuối những năm 50 - đầu những năm 60 của thế kỉ XX và tiến triển liên tục cho đến nay. Ngoài ra, việc khảo đính, dịch thuật tác phẩm của các tác giả riêng biệt cũng cung cấp một lượng tư liệu khá phong phú, mới mẻ. Tuy nhiên, trong việc chuyển dịch cũng có một số hạn chế nhất định cần tiếp tục được khắc phục để nâng cao chất lượng tư liệu. Đây là cơ sở cho các hướng và thành tựu nghiên cứu giai đoạn này.

3.2.2. *Các hướng nghiên cứu và thành tựu cơ bản*

3.2.2.1. *Hướng nghiên cứu tư tưởng thi học của từng tác giả* xuất hiện tương đối sớm, từ những năm 1960, trong các bài viết về tư tưởng văn học, thi học của các tác giả trung đại hay trong các công trình văn học sử. Tuy nhiên, số lượng tác giả được quan tâm tìm hiểu về khía cạnh này chỉ dừng lại một số tên tuổi lớn như: Lê Quý Đôn, Hoàng Đức Lương, Nguyễn Du, Miên Thẩm, Miên Trinh, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, v.v... Đón

góp của hướng nghiên cứu trên là phân tích, nhận diện được tư tưởng thi học của từng tác giả, đồng thời có chú ý liên hệ đến tư tưởng thi học của thời đại tác giả cũng như của thời trung đại nói chung. Hướng nghiên cứu này có thể được mở rộng và còn nhiều triển vọng nghiên cứu.

3.2.2.2. *Hướng nghiên cứu một vấn đề nhất định trong tư tưởng thi học trung đại như một vấn đề của văn học sử* xuất hiện từ đầu những năm 1970. Hướng nghiên cứu này thực ra cũng chỉ xoay quanh một vài vấn đề cơ bản như vấn đề “thi (dĩ) ngôn chí”, “thi duyên tình”, “thi trung hữu họa”, ảnh hưởng của các lí thuyết thi học nước ngoài đến thi học Việt Nam, v.v... Các nghiên cứu đó góp phần giải quyết triệt để một số vấn đề chuyên của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam và cũng còn nhiều “đất trống” để tiếp tục khai phá.

3.2.2.3. *Hướng nghiên cứu tư tưởng thi học trung đại với tư cách một đối tượng của “lí luận văn học”*, xuất hiện từ thập kỉ 70 của thế kỉ XX trở lại đây với các công trình của Đặng Tiến (1974), Phương Lưu (1989, 1997, 2007), Hà Minh Đức (1993), Nguyễn Bá Thành (1995), Thụy Khuê (1996), Trần Đình Sử (1999), Đoàn Lê Giang (2001), Phạm Ngọc Hiền (2007), v.v... Điểm chung của các công trình này là lấy tư tưởng thi học trung đại Việt Nam làm dẫn chứng, cứ liệu cho các vấn đề khái quát của “lí luận văn học” từ quan niệm thơ, lí thuyết thơ, tư duy thơ, cấu trúc thơ, ý thức văn học cho đến thi pháp học. Do đó, tư tưởng thi học trung đại Việt Nam thường chỉ được nhắc qua với những nhận định mang tính khái quát, gợi mở chứ chưa tập trung và nhất quán.

3.2.2.4. *Hướng nghiên cứu khái quát toàn bộ hệ thống tư tưởng thi học trung đại Việt Nam* xuất hiện giữa những năm 80 của thế kỉ XX trở lại đây với các công trình của Mai Ngọc Anh (1985), Phạm Quang Trung (1999), Vương Tiểu Thuần, Hà Thiên Niên (2002). Ở khuynh hướng này, tư tưởng thi học trung đại Việt Nam được tiếp cận từ hai giác độ: giác độ đồng đại và giác độ lịch đại. Mỗi công trình có một thế mạnh riêng, nhưng nhìn chung vẫn gặp khó khăn chung: sự thiếu thốn về mặt tư liệu và sự gò bó về quy mô. Đây là hướng nghiên cứu có nhiều đóng góp nhất, đặc biệt có nhiều gợi ý cho luận án của chúng tôi. Tuy nhiên, nó cũng chưa thực sự đầy đủ, bao quát, nhất là hướng nghiên cứu lịch đại, nghiên cứu tiến trình còn nhiều vấn đề bỏ ngỏ.

3.2.2.5. *Hướng nghiên cứu các thể tài văn học trung đại Việt Nam hàm chứa giá trị tư tưởng thi học*, xuất hiện gần đây nhất, vào đầu thế kỉ XXI. Hướng nghiên cứu này tập trung làm rõ giá trị truyền tải tư tưởng thi học của một số thể tài trong văn học trung đại Việt Nam như: tựa, bạt, thi thoại, luận thi

thi, thi tuyển, thi bình, v.v... Tuy nhiên, bằng việc nghiên cứu chuyên biệt các thể tài đó, nhiều quan niệm thi học quý giá đã được làm rõ.

3.3. *Những vấn đề còn bỏ ngỏ*

Vấn đề đầu tiên là chúng ta hiện vẫn chưa có trong tay một cách tương đối đầy đủ, hệ thống các tư liệu về tư tưởng thi học trung đại Việt Nam. Một số tư liệu vẫn còn xa lạ với đông đảo độc giả hiện nay. Sự hình dung về tư tưởng thi học trung đại Việt Nam còn tương đối mỏng. Vấn đề thứ hai là chúng ta chưa khái quát, chưa khắc hoạ được diện mạo và đặc điểm của một nền thi học trung đại Việt Nam với bề dày lịch sử suốt gần 10 thế kỉ. Đặc biệt, chúng ta chưa nhìn nhận, nghiên cứu tư tưởng thi học trung đại Việt Nam như một hiện tượng, một quá trình có lịch sử hình thành và phát triển khá dài lâu và đạt được những thành tựu nhất định.

4. **Đối tượng, phạm vi và tư liệu nghiên cứu**

4.1. *Đối tượng, phạm vi nghiên cứu*

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án là “sự phát triển của tư tưởng thi học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX”.

4.1.1. *"Thi", "thi học" và "tư tưởng thi học"*

“Thi” vốn bắt nguồn từ Trung Hoa để chỉ ba trăm bài *Kinh Thi*, sau được dùng để chỉ các loại thơ tứ ngôn, ngũ ngôn, thất ngôn, tạp ngôn (cổ - cận thể) chữ Hán, sau này là “tân thi” (bạch thoại). Trong tình hình thực tế ở Việt Nam, chúng tôi quan niệm “thi” bao gồm các thể thơ học tập từ Trung Hoa và một số thể thơ có nguồn gốc dân tộc, xuất hiện ở thời trung đại như: thơ lục bát, thơ song thất lục bát, thơ hát nói, v.v....

“Thi học” ở đây được dùng để chỉ toàn bộ khả năng, trình độ học vấn về thơ của một tác giả, hay chuyên môn hơn là khoa học về thơ. Theo đó, “thi học” sẽ bao gồm rất nhiều phương diện khác nhau, như: nhận thức và quan niệm về nguồn gốc, công dụng, tính chất, ... của thơ; các phạm trù cơ bản của thơ; các vấn đề cụ thể có liên quan đến thi pháp, thi luật; các vấn đề liên quan đến việc nghiên cứu lịch sử, nguồn mạch thơ ca các đời; việc nghiên cứu các tác phẩm thơ ca cụ thể; v.v... Trong các phương diện như vậy, chúng tôi đặc biệt chú ý đến phương diện nhận thức, quan niệm về nguồn gốc, công dụng, tính chất, phong cách, ý vị, v.v.. của thơ vì đây là phần tinh túy nhất, giàu tính lí luận và khái quát nhất của thi học. Để khu biệt phương diện đó với các phương diện còn lại, chúng tôi gọi đó là “tư tưởng thi học”. Nó cũng gần tương đương với các khái niệm như “quan niệm (về) thơ”, “lí luận (về) thơ”, v.v...

4.1.2. *"Phát triển"*

“Phát triển” là một khái niệm khá phổ biến trong triết học cũng như trong đời sống. Thông thường, người ta hiểu “phát triển” có nghĩa là đi lên, là tiến bộ hơn trước, nhưng luận án của chúng tôi muốn dùng khái niệm “phát triển” một cách toàn diện, sâu sắc hơn, với tư cách một phạm trù triết học. Phát triển chỉ sự vận động, diễn biến không ngừng, sự chuyển biến sang những trạng thái mới của sự vật hiện tượng nhờ vào sự tương tác của các nhân tố, các mối liên hệ trong, ngoài rất đa dạng và phức tạp. Phát triển mang tính duy vật và biện chứng. Phát triển thường theo chiều hướng "xoáy tròn ốc". Sự phát triển của tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX cũng không nằm ngoài nguyên lí phổ quát đó.

4.1.3. "Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX"

Các công trình nghiên cứu về thi học Việt Nam (thế kỉ X - XIX) trước đây của các học giả nước ta thường sử dụng các mệnh đề “ông cha ta bàn về thơ”, “thơ với người xưa”, “quan niệm thơ cổ”, v.v... Các khái niệm này đến nay đã trở nên lạc hậu hoặc khó xác định và được thay thế bởi một khái niệm thống nhất, khoa học được mượn của sử học là “trung đại”, “thời trung đại”. Thời trung đại về cơ bản được xác định là từ thế kỉ X cho đến hết thế kỉ XIX. Để tránh những tranh luận không cần thiết, chúng tôi dùng mệnh đề xác định là “từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX” (hay thời "trung đại" hoặc gọn hơn là "thế kỉ X - XIX").

4.2. Tư liệu nghiên cứu

Tư liệu nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX có thể được chia thành các loại: Thi thoại; Các sách có mục “phê bình văn học”; Tựa, bạt, đề từ, lệ ngôn các thi văn tập; Thư tín, tấu sớ; Các tác phẩm tư tưởng, triết học; Các tác phẩm văn chương của các tác giả có bàn về thơ; Thi tuyển và những lời bình chú; Các sách kể chuyện thơ, các sách tiểu sử, sử kí, v.v... Trong tầm khả năng của mình, chúng tôi khảo sát tối đa các loại tư liệu đã nêu. Đối với giai đoạn đầu, khi các trước tác dưới dạng nghị luận (thi luận) còn hiếm hoi chúng tôi phần nào dựa vào các tác phẩm văn học (sáng tác). Nhưng đến các giai đoạn sau, khi các trước tác “thi luận” đã tương đối phong phú, “chuyên nghiệp”, chúng tôi sẽ chỉ tập trung chủ yếu vào những tư liệu này (nhưng với thơ Nôm thì lại cần linh động, "kiên nhẫn" hơn). Ở đây, chúng tôi chủ yếu khai thác phần “hiển ngôn”, “hữu ngôn”, “phát ngôn” chứ chưa khai thác phần “ẩn ngôn”, “vô ngôn”, “tiềm ngôn”. Dạng thi học “ẩn ngôn”, “vô ngôn”, “tiềm ngôn” như vậy là đối tượng của những công trình khác.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phối hợp các phương pháp sau: *Phương pháp tiếp cận liên ngành; Phương pháp đọc sâu; Phương pháp hệ thống hóa; Phương pháp phân tích - tổng hợp; Phương pháp so sánh - đối chiếu*. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng sử dụng các thao tác thống kê, phân loại, mô tả, suy luận, v.v... như những phương pháp, biện pháp bổ trợ.

6. Đóng góp mới của luận án

Luận án là sự rà soát lại cả về mặt tư liệu lẫn về mặt định giá di sản lí luận về thơ của người xưa. *Về mặt tư liệu*, luận án không chỉ sử dụng lại những tư liệu đã được công bố mà còn cố gắng hiệu chỉnh những hạn chế trong khối tư liệu đó, đồng thời tìm tòi, phát hiện thêm những tư liệu chưa được phổ biến. *Về mặt định giá*, luận án cố gắng bám sát thực tế lịch sử tư tưởng thi học. Lần đầu tiên, các giai đoạn phát triển của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam cũng được dựng lại, mô tả một cách toàn diện và luôn luôn chú ý đến tính kế tục, phát triển. Luận án cũng góp phần làm rõ diện mạo, đặc điểm và quá trình phát triển của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam trong cái nhìn đối sánh với tư tưởng thi học của Trung Hoa và tư tưởng thi học hiện đại Việt Nam trên một số phương diện cơ bản.

7. Cấu trúc nội dung luận án

NỘI DUNG luận án chia làm 4 chương sau đây.

Chương 1: CƠ SỞ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ VẤN ĐỀ PHÂN KÌ TƯ TƯỞNG THI HỌC VIỆT NAM THẾ KỈ X - XIX.

1.1. Cơ sở hình thành và phát triển tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX

Theo nhận thức chung của giới nghiên cứu, có ba cơ sở chủ yếu là: *Thực tiễn thơ, tư tưởng - ý thức hệ và ảnh hưởng của tư tưởng thi học Trung Hoa*. Vẫn còn một yếu tố khác có tính chất bao trùm, toàn diện là *bối cảnh xã hội - văn hóa*, chúng tôi sẽ không tách thành một mục riêng mà lồng ghép trình bày trong ba nhân tố nêu trên cũng như khi trình bày từng giai đoạn cụ thể.

1.1.1. Thực tiễn thơ với tư tưởng thi học

1.1.1.1. Các thành tố của thực tiễn thơ với tư tưởng thi học

“Thực tiễn thơ” bao gồm ba thành tố chủ yếu sau: *Sáng tác - tổ chức sáng tác; sưu tầm - tuyển chọn; thưởng thức - phê bình*. *Sáng tác (tổ chức sáng tác)* là gốc của tất cả mọi hoạt động khác có liên quan. Sáng tác “đẻ” ra tác phẩm, đối tượng căn bản của tư tưởng thi học. Xuất phát từ kinh nghiệm

sáng tác, từ nhu cầu tổng kết, thể hiện quan điểm sáng tác, họ nêu ra các quan niệm thi học. Cũng chính sáng tác là nơi kiểm nghiệm, thí nghiệm cho các quan niệm thi học (dù nội sinh hay ngoại lai) của tác giả. *Sưu tầm - tuyển chọn* cũng là một thành tố có tác động và sức ảnh hưởng khá lớn đến tư tưởng thi học. Nó thường có tính chất gián tiếp, hỗ trợ cho tác động của hoạt động sáng tác - tổ chức sáng tác. Nó cũng thường liên quan đến các quan niệm thi học về tiếp nhận, thẩm định thơ, v.v... *Thưởng thức - phê bình thơ* là hoạt động gần gũi và có tác động trực tiếp nhất đến sự hình thành và phát triển tư tưởng thi học. Nhờ có hoạt động thưởng thức, phê bình thơ mà tư tưởng thi học được phát biểu thành ngôn luận, thành lí thuyết.

1.1.1.2. *Tính chất của mối quan hệ giữa thực tiễn thơ và tư tưởng thi học*

Mối quan hệ giữa thực tiễn thơ và tư tưởng thi học có hai tính chất cơ bản: *Tính chất hai chiều; tính chất độc lập tương đối*. Thực tiễn thơ là nền tảng chi phối đến tư tưởng thi học. Nói khác đi đó là sự chất lọc, kết tinh những kinh nghiệm sáng tác thơ thành tư tưởng, quan niệm. Nhưng đến một trình độ nào đó, tư tưởng thi học sẽ quay trở lại chi phối, tác động đến thực tiễn thơ. Nhiều khi, tư tưởng thi học không theo kịp sự phát triển của thực tiễn thơ; ngược lại, có lúc, tư tưởng thi học đã đi trước rất xa so với thực tiễn thơ; hoặc thực tiễn thơ khác hẳn với tư tưởng thi học của cùng một chủ thể, tác giả; hoặc không có sự lệch pha như vậy, nhưng sự hình thành tư tưởng thi học lại không xuất phát từ thực tiễn thơ mà do những yếu tố bên ngoài. Đó là những điều cần hết sức lưu ý.

1.1.2. *Tư tưởng - ý thức hệ với tư tưởng thi học*

1.1.2.1. *Các nhân tố của tư tưởng - ý thức hệ có tác động đến tư tưởng thi học*

Các nhân tố bao gồm: *Phật giáo, Đạo gia, Nho giáo, các luồng tư tưởng nội sinh*. *Phật giáo* vốn là một tôn giáo có xu hướng xuất thế. Vì vậy, về mặt tự giác, nó không chú ý đến thơ, không có ý thức suy ngẫm về thơ. Hơn nữa, tư tưởng của Phật giáo là “lấy tâm truyền tâm”, nên thậm chí có khi nó phủ nhận ngôn ngữ, văn học. Tuy nhiên, trong quá trình “phổ cập”, nó vẫn cần dùng đến ngôn ngữ, văn học. Do đó, ta bắt gặp một vài quan niệm của các nhà tu hành, người hâm mộ Phật giáo về thơ, như: tính hàm súc, ý tượng, cảnh giới, “nhập thần”, “diệu ngộ” trong thơ, v.v... *Đạo gia* chủ trương “vô vi”, “thuận theo tự nhiên” cũng không quan tâm nhiều đến thơ và tư tưởng thi học. Thậm chí, nhiều khi Đạo gia lên tiếng phủ nhận ngôn ngữ, văn học và tình cảm. Tuy nhiên, trên thực tế, đó cũng chỉ là sự công kích tác động thái quá của tình cảm

và sự nô thuộc vào ngôn ngữ, văn học. Hơn thế, Đạo gia chủ trương tận dụng, phát huy thế mạnh của nó bằng cách “kiệm lời”, “lời ít ý nhiều”, “ý tại ngôn ngoại”, v.v... *Nho giáo* cơ bản mang tinh thần thực tiễn, “hữu vi”. Do vậy, Nho giáo rất quan tâm bàn luận, cắt nghĩa về thơ, đồng nghĩa với việc thúc đẩy lí luận về thơ phát triển. Người ta thường đề cập đến hai thời kì phát triển lớn của tư tưởng thi học chịu ảnh hưởng Nho giáo: thi học Nho giáo Tiên Tần đến Hán-Đường (thi học kinh học) và thi học Tống Nho (thi học lí học). Thi học kinh học chú trọng vào chức năng “hướng ngoại” của thơ: quan sát phong tục, phóng gián chính sự, ca ngợi công đức, bày tỏ tình cảm hợp với lễ nghĩa. Thi học lí học lại chú trọng vào chức năng “hướng nội” của thơ: di dưỡng tính tình, rèn luyện đạo đức, trị tâm trị tính, bày tỏ nhân tình phù hợp với thiên lí. Tùy vào từng giai đoạn mà tư tưởng thi học Việt Nam chịu ảnh hưởng của thi học kinh học hay thi học lí học. *Các luồng tư tưởng nội sinh* là các khuynh hướng tư tưởng nảy sinh từ nhu cầu thực tiễn của đời sống và của nền văn hóa, văn học trung đại Việt Nam (bao gồm cả văn hóa bác học, chính thống và văn hóa dân gian, đại chúng) như: khuynh hướng dân tộc hóa; khuynh hướng thực học, thực tế; trào lưu nhân văn, thế tục; v.v... Về cơ bản, chúng phù hợp với nhu cầu phát triển nội tại của tư tưởng thi học. Điều đó dẫn đến sự hô ứng, tương tác, tiếp nhận mạnh mẽ ảnh hưởng của các trào lưu trên trong tư tưởng thi học.

1.1.2.2. *Tính chất của quan hệ giữa tư tưởng - ý thức hệ và tư tưởng thi học*

Mối quan hệ giữa tư tưởng - ý thức hệ và tư tưởng thi học bao gồm: *Tính chất áp đặt, trực tiếp; tính chất tự giác, gián tiếp; tính chất độc lập tương đối*. Tác động của tư tưởng - ý thức hệ đến tư tưởng thi học thường mang tính chất trực tiếp, tức là yêu cầu dùng hình thức thơ để chuyển tải, truyền bá một học thuyết, một quan điểm nào đó. Vì vậy, cũng có thể gọi đây là tính chất áp đặt hay “chủ nghĩa công lợi” trong tư tưởng thi học. Trong quá trình phát triển của văn học, tư tưởng thi học có xu hướng dần vượt thoát khỏi những chế định của Nho giáo để phát triển một cách “tự giác”. Đây là một trong những tiêu chí, chỉ dấu đánh giá sự tiến bộ, trưởng thành của tư tưởng thi học. Bên cạnh đó, nhiều khi, sự tiếp thu ảnh hưởng của tư tưởng - ý thức hệ vào tư tưởng thi học là sự tiếp thu và vận dụng một cách tự nguyện, tự giác của nhà thơ và các thi học gia. Đứng trên phương diện “tư tưởng”, tư tưởng thi học không thể thoát li khỏi tinh thần, tư tưởng - ý thức hệ của thời đại. Ngược lại, tư tưởng thi học góp phần làm nên và là sự thể hiện của tư tưởng - ý thức hệ. Đứng trên phương diện thi học, do dựa trên thực tiễn nghệ thuật, nên tư tưởng thi học có lịch sử phát triển độc lập, nội tại. Song le, bản thân

thực tiễn thơ cũng chịu ảnh hưởng của bối cảnh xã hội - văn hóa mà nó tồn tại. Do đó, sự độc lập chỉ là tương đối.

1.1.3. *Tư tưởng thi học Trung Hoa với tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX*

1.1.3.1. *Vai trò ảnh hưởng của tư tưởng thi học Trung Hoa*

Vai trò ảnh hưởng của tư tưởng thi học Trung Hoa bao gồm: *nguyên mẫu - cú hích; động lực, tiếp sức; tác động tiêu cực*. Hình thành trên nền của bối cảnh văn hóa “Hán hóa”, trong đó có một nền thi học Trung Hoa với bề dày lịch sử và có sức hút, sức tác của một “trung tâm” lớn “kiến tạo vùng”, nền thi học Việt Nam nghiêm nhiên trở thành một khu vực “ngoại biên”. Nền thi học Trung Hoa đã trở thành một “nguyên mẫu”, “cú hích” để thi học Việt Nam học tập, kế thừa và cải biến. Trong nhiều thời điểm lịch sử, tư tưởng thi học Việt Nam tưởng như bị đứt đoạn, lâm vào khủng hoảng. Những thời điểm đó, ngoài yếu tố nội lực như một điều kiện tiên quyết, chúng ta cũng thấy được vai trò “động lực”, “tiếp sức” của thi học Trung Hoa. Tồn tại trong một không gian có “hấp lực” rất lớn, xuất phát từ “trung tâm kiến tạo” như vậy, tư tưởng thi học trung đại Việt Nam dĩ nhiên không có được một sự phát triển tự thân, tự nhiên, độc lập. Ra đời từ “nguyên mẫu” Trung Hoa, tư duy bằng ngôn ngữ, khái niệm, quan niệm, luận lí Trung Hoa, tư tưởng thi học Việt Nam nhiều khi rất khó “vượt thoát” để trở thành chính nó, để có được bản sắc nếu không có những nỗ lực vượt bậc.

1.1.3.2. *Tính chất của sự tiếp nhận ảnh hưởng tư tưởng thi học Trung Hoa*

Qua nghiên cứu, chúng tôi rút ra được ba tính chất cơ bản: *Tính lựa chọn và sáng tạo; tính giản hóa và điều hòa; tính tịnh tiến và tổng hợp*. Trong cái biển thi học Trung Hoa mênh mông và phức tạp, chúng ta chỉ (có điều kiện) tiếp thu một số tư tưởng thi học cốt yếu, phù hợp với thực tiễn thơ cũng như tâm lí dân tộc. Đó đã là một biểu hiện của sự học tập sáng tạo. Sự học tập sáng tạo còn thể hiện trong từng vấn đề cụ thể như: thuyết “thần vận”, “cách điệu” và “tính linh”, quan niệm về “hứng”, “vị”, v.v... Cũng có thể nói về sự tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo ở nhiều tác giả cụ thể, như: Lê Quý Đôn, Nguyễn Hành, Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, v.v... Không có điều kiện để tiếp thu toàn bộ tri thức thi học Trung Hoa đồ sộ, các tác giả Việt Nam buộc phải lựa chọn con đường học hỏi, tiếp thu những điều cốt yếu, giản lược, thực tiễn. Các lí thuyết thi học Trung Hoa đến với các tác giả Việt Nam cũng trở nên dễ hiểu, giản dị hơn, thậm chí chỉ còn lại các khái niệm, các mệnh đề ngắn gọn, nhòe mờ. Tư tưởng thi học Việt Nam cũng

luôn phản chiếu phần nào đó diễn biến của tư tưởng thi học Trung Hoa đương thời theo nguyên lí “khúc xạ”. Các lí thuyết thi học Trung Hoa mới luôn được các tác giả Việt Nam cập nhật, học tập và chuyển hóa thành lí luận của mình. Họ cũng tiếp thu chúng một cách tổng thể, góp nhặt thành tựu thi học Trung Hoa của nhiều giai đoạn, nhiều tác giả vào một giai đoạn, một tác giả, v.v... hoặc ngược lại.

2.2. Vấn đề phân kì tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX

2.2.1. Các hướng phân kì tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX trước đây

Mặc dù đã được nghiên cứu từ sớm, nhưng việc phân kì tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX lại diễn ra khá muộn và khiêm tốn. Hầu như, sự phân kì tư tưởng thi học được “tiềm ẩn”, “tản mạn” trong khuôn khổ của sự phân kì lịch sử văn học. Chỉ có ít người trực tiếp, tự giác bàn đến các giai đoạn phát triển của nó là Mai Ngọc Anh (1985), Phương Lựu (1985, 1997), Vương Tiểu Thuần, Hà Thiên Niên (2002), rồi Nguyễn Đình Phúc (2006). Tựu trung có thể chia làm hai hướng: phân kì theo diễn biến lịch sử, xã hội và phân kì theo triều đại. Hai hướng phân kì này đều có hạn chế của nó và chúng tôi chỉ dùng để tham khảo khi cần thiết.

2.2.2. Quan điểm phân kì của luận án

Căn cứ phân kì của luận án là: dựa vào sự phát triển nội tại của tư tưởng thi học và có tham chiếu sự phân kì lịch sử văn học và tư tưởng, ý thức văn học. Về mặt bản chất thể loại, tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX phát triển theo hai tuyến lớn, tạm gọi là “tư tưởng thi học công lợi” và “tư tưởng thi học tự giác”. Quan điểm phân kì của luận án là chủ yếu dựa vào tuyến “tư tưởng thi học tự giác”. Về mặt văn tự thể loại, xuất phát từ đặc điểm “song ngữ” của văn học trung đại Việt Nam, tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX tồn tại đan xen khá phức tạp hai bộ phận: tư tưởng thi học về thơ chữ Hán, tư tưởng thi học về thơ chữ Nôm. Luận án của chúng tôi cũng cố gắng tìm hiểu sự phát triển nội tại của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam ở cả hai bộ phận, nhưng ưu tiên các thành tựu tư tưởng thi học hiển ngôn, hữu ngôn, hệ thống. Vì vậy, nhìn tổng thể, phần chủ yếu, xương sống của tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX vẫn là bộ phận tư tưởng thi học về thơ chữ Hán. Sự phân kì tư tưởng thi học lại có liên quan trực tiếp đến việc phân kì lịch sử văn học, phân kì tư tưởng, ý thức văn học hiện nay theo cả hai chiều. Ở chiều thứ nhất, tư tưởng thi học là bộ phận của lịch sử văn học nên sẽ có dấu ấn của các giai đoạn phát triển của lịch sử văn học và tư tưởng thi học. Ở chiều thứ

hai, các giai đoạn phát triển của tư tưởng thi học sẽ phản ánh và góp phần quyết định hoặc điều chỉnh cách phân kì lịch sử văn học và tư tưởng văn học.

Từ các căn cứ nêu trên, chúng tôi chia tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X-XIX thành 3 giai đoạn với các đặc trưng cơ bản như sau:

- Giai đoạn 1: Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV. Đây là “giai đoạn phôi thai” của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam.

- Giai đoạn 2: Từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII. Đây là “giai đoạn định hình” để chỉ ra sự xác lập chính thức và điển hình của nó.

- Giai đoạn 3: Từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX. Đây là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất, bề thế nhất hay còn gọi là “giai đoạn kết tinh”.

Chương 2: TƯ TƯỞNG THI HỌC VIỆT NAM THẾ KỈ X - XIV: “GIAI ĐOẠN PHÔI THAI”

2.1. Bối cảnh xã hội - văn hóa thế kỉ X - XIV với tư tưởng thi học

2.1.1. *Bức tranh tổng quan*

Mặc dù trải qua “đêm trường” Bắc thuộc, nền văn hóa Việt lúc bấy giờ vẫn mang đậm đặc tính phương Nam, chứ chưa chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa phương Bắc. Bên cạnh đó, dù dè dặt từng bước, các thành tựu văn hóa, văn minh Trung Hoa cũng được tiếp thu, học hỏi, áp dụng, đặc biệt là kinh nghiệm quản lí xã hội, nền tri thức, học thuật. Các triều Đinh, Lê, Lý, Trần ngang với triều Tống, Nguyên ở Trung Hoa, nhưng trong sự lựa chọn mẫu hình học tập, các triều này lại tìm về thời Tiên Tần, Hán, Đường là chủ yếu. Điều này tạo nên sự độc lập, tự chủ cao trong văn hóa cũng như trong tư tưởng thi học giai đoạn này.

2.1.2. *“Tam giáo tịnh hành” với tư tưởng thi học*

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV, ở Việt Nam tồn tại thế “tam giáo tịnh hành”. Ba học thuyết tôn giáo này đều có ảnh hưởng đến tư tưởng thi học. Nhờ tiếp thu được tinh thần sáng tạo của Phật giáo, nhiều quan niệm thi học có giá trị được phát lộ: quan niệm về “cảnh, tượng”, về “thú”, “vị”, về khả năng “nhập thần” của thơ. Triết lí “vô vi”, thuận theo tự nhiên và “mĩ giả tự mĩ” của Đạo gia cũng có dấu ấn nhất định trong tư tưởng thi học Lí Trần. Nho giáo giai đoạn này có sự cạnh tranh giữa kinh học và lí học và cả hai đều có ảnh hưởng đến tư tưởng thi học, đặc biệt ở mảng tư tưởng thi học công lợi.

2.2. Thực tiễn thơ ca Việt Nam thế kỉ X - XIV và tư tưởng thi học

2.2.1. *Tình hình chung*

Ngay từ khi nền văn học viết Việt Nam chính thức ra đời (thế kỉ X), thơ đã hiện diện và liên tục phát triển. Cho đến hết thế kỉ XIV, thơ Việt Nam đã thực sự trưởng thành. Một không khí sáng tác, thưởng thức thơ sôi nổi đã hiện diện thể hiện sự trọng thị đối với thơ ca: “Sau khi chết chỉ có thơ để lại là quý hơn vàng” (Trần Quốc Toại); thái độ trọng thị *Li Tao* (ngang với *Kinh Thi*) cho thấy thị hiếu thơ của các tác giả giai đoạn này là sự kết hợp giữa việc coi trọng chức năng giáo hóa, phúng dụ mang màu sắc Nho gia, Thiền gia và ý thức trọng thị bản chất trữ tình, chức năng, giá trị thẩm mỹ của thơ.

2.2.2. **Đặc điểm thơ ca thế kỉ X - XIV với tư tưởng thi học**

Thơ ca thế kỉ X - XIV có tạm chia làm ba bộ phận chủ yếu: thơ kệ - thơ Thiền của các Thiền sư, Phật tử; thơ trữ tình của các thi nhân nghệ sĩ; thơ “ngôn chí” của các nhà Nho. Mỗi bộ phận có ảnh hưởng nhất định tới tư tưởng thi học. Thơ kệ - thơ Thiền phản ánh sự ảnh hưởng trực tiếp của thơ kệ - thơ Thiền Đường Tống; thơ trữ tình thể hiện dấu ấn của thơ trữ tình thời Đường; thơ “ngôn chí” cũng chịu ảnh hưởng của thơ ca thời Đường - Tống. Bởi vậy, tư tưởng thi học giai đoạn này cũng có những đặc điểm riêng so với giai đoạn sau. Sự xuất hiện của thơ ca chữ Nôm cũng đem lại luồng gió mới cho tư tưởng thi học: dấu ấn dân tộc và dân chủ.

2.3. **Tư tưởng thi học: những nhận thức ban đầu**

2.3.1. **Nhận thức về bản chất thể loại**

Các nhà thơ giai đoạn này chỉ phát biểu quan niệm của mình một cách khá tự phát qua sáng tác, ít tính lí luận, lập thuyết: như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Phi Khanh, Trần Nguyên Đán,... Nhưng cũng chính bởi tính tự phát đó mà dường như họ lại tiếp cận được với bản chất đích thực của thể loại mà không vướng vào những chủ trương, lí thuyết cực đoan này nọ. Họ đã bắt đầu nói đến “tình sâu”, “nỗi lòng”, “cõi lòng” trong thơ. Liên quan đến quan niệm về bản chất trữ tình của thơ là vấn đề cảm hứng (“hứng”, “thú”). Ngay từ thế kỉ XIII, ở Việt Nam đã có những tác giả bằng linh cảm nghệ thuật của mình đã bột phát đề cập đến quá trình nảy sinh cảm hứng thơ, như: Trần Thánh Tông, Nguyễn Tử Thành, Tạ Thiên Huân, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh, Lê Cảnh Tuân, Phạm Mai, v.v... Sự hiện diện của quan niệm về “hứng” đã bổ sung cho quan niệm về bản chất trữ tình của thơ ở giai đoạn này khá sâu sắc.

2.3.2. **Nhận thức về “thú”, “vị” trong thơ.**

“Thú” và “vị” chỉ “ý vị” thơ với nhiều tầng bậc sâu xa, huyền diệu của nó. Chúng được dùng để phẩm bình thơ văn từ rất sớm và trở thành một phạm trù thẩm mỹ quan trọng trong tư tưởng thi học cổ Trung Hoa. Ở Việt Nam thế kỉ X - XIV, dù không ngôn luận nhiều, nhưng dường như các tác

giả cũng đã tiếp cận được những quan niệm cơ bản về “thú”, “vị” như các ý kiến của: Nguyễn Úc, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Phi Khanh Phạm Mai,... “Thú”, “vị” ở đây thường nhuộm màu sắc “Thiền” của nhà Phật hoặc “đạo” của nhà Nho nhưng đây chất thơ. Sự hiện diện của quan niệm về “thú” (“vị”) trong tư tưởng thi học giai đoạn này cho thấy nhận thức sâu sắc và đúng đắn về đặc trưng thẩm mỹ của thơ.

2.3.3. Nhận thức về “cảnh”, “tượng” trong thơ

Ở Trung Hoa, nhận thức về “cảnh”, “tượng” trong thơ thịnh hành trong tư tưởng thi học thời Đường, nhưng truy nguyên thì có thể lên đến thi học thời Ngụy Tấn, Nam Bắc Triều. Khi nói đến “cảnh”, “tượng” là nói đến khả năng tưởng tượng, tiếp thụ hình tượng của người làm thơ cũng như người đọc. Nhận thức về “cảnh”, “tượng” tiếp tục cho thấy sự đúc rút kinh nghiệm sáng tạo và thưởng thức thơ. Vấn đề này cũng được các tác giả thế kỉ X-XIV ý thức và “phi lộ” trong các sáng tác của họ, như: Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Tử Thành, Phạm Nhữ Dực, v.v... Vấn đề “cảnh”, “tượng” được chú ý ở giai đoạn này cho thấy dấu ấn thơ Đường và tư tưởng thi học thời Đường khá đậm đương thời.

2.3.4. Dấu ấn nhận thức về thơ Nôm

Qua ghi chép đương thời và của người thời sau, chúng ta cũng có thể biết được một vài dấu ấn mà chủ yếu ở đây là quan niệm về động cơ sáng tác, chức năng thể loại. Quan niệm về chức năng thơ Nôm của giai đoạn này có thể chia làm ba loại: chức năng phúng thích, khôi hài; chức năng giáo huấn; chức năng bày tỏ chí hướng, tình cảm. Những quan niệm này về cơ bản không mới so với quan niệm về thơ chữ Hán, nhưng ít nhất nó cho thấy sự coi trọng thơ Nôm. Hơn thế nữa, đi vào chi tiết, ta thấy cũng có những điểm nhận thức về thơ Nôm còn “táo bạo” hơn về thơ chữ Hán. Qua quan niệm về động cơ sáng tác, chức năng thể loại, chúng ta có thể hình dung, suy lường được phần nào quan niệm về bản chất thể loại của thơ Nôm giai đoạn này.

Chương 3: TƯ TƯỞNG THI HỌC VIỆT NAM THẾ KỈ XV - XVII: “GIAI ĐOẠN ĐỊNH HÌNH”

3.1. Bối cảnh xã hội - văn hóa thế kỉ XV - XVII với tư tưởng thi học

3.1.1. Bức tranh tổng quan

Triều Hồ được dựng nên thay thế nhà Trần nhưng tồn tại ngắn ngủi, cải cách dang dở. Song le, nó cũng đưa đến nhiều biến đổi quan trọng. Tiếp đó,

quá trình xâm lược của nhà Minh tạo ra bước ngoặt rất quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Kể từ đây, ảnh hưởng của văn hóa, văn học Trung Hoa trên đất Việt ngày một sâu sắc kéo theo cả những nỗ lực ngược chiều trong việc củng cố lại ảnh hưởng đó. Tiếp theo, triều đại phong kiến non trẻ Lê sơ dần thiết lập được một chính thể ổn định, với đặc điểm trung ương tập quyền, độc tôn Nho giáo. Khi nằm, nội bộ nhà Lê liên tục xảy ra những cuộc nội loạn, tiếm đoạt để dẫn đến một kết cục tất yếu: các cuộc nội chiến tàn phá đất nước đồng thời tàn phá luôn những thành quả văn hóa hẳn không phải là sơ sài của thế kỉ XVI - XVII, để lại một khoảng trống không dễ lấp đầy.

3.1.2. *Nho giáo “chủ lưu” với tư tưởng thi học*

Đây là giai đoạn Nho giáo trở thành “chủ lưu” và có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng thi học. Nếu cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV, quan niệm xem thơ là phương tiện “quan phong”, “mỹ thích”, “tấu thư”, “bổ sát thời chính” còn tương đối đậm nét thì đến cuối thế kỉ XV, quan niệm xem thơ như một thứ “tâm học”, chuyên thể hiện đạo lí bên trong (“đạo tâm”, “vật lí”, “thiên lí”, “dục”), ít chú ý đến tác động bên ngoài đã phổ biến và dần dần lấn át quan niệm trước. Tuy nhiên, về mức độ và trình độ thẩm thấu, vận dụng lí học trong tư tưởng thi học vẫn chưa thực sự nhuần nhuyễn và chưa có sự chuyển hóa sâu sắc như giai đoạn sau. Thành thử, nhiều khi sự ảnh hưởng có phần áp đặt, cứng nhắc cản trở sự phát triển nội tại của thơ ca và tư tưởng thi học tự giác.

3.2. *Thực tiễn thơ thế kỉ XV - XVII với tư tưởng thi học*

3.2.1. *Tình hình chung*

Bước sang thế kỉ XV trở đi, thơ phát triển rầm rộ hơn, đặc biệt sau khi nước ta giành lại được độc lập. Điều đó biểu hiện ở hai hoạt động chính: sưu tầm - tuyển chọn và sáng tác thơ. Một điểm khác cũng đáng lưu ý ở giai đoạn này là sự ra đời của nhiều tập thơ Nôm Đường luật đồ sộ. Các thể thơ dân tộc (lục bát, song thất lục bát, hát nói,...) cũng chính thức ra đời ở giai đoạn này và đạt được những thành tựu nhất định. Đây là một bước ngoặt quan trọng đánh dấu nhu cầu kiến tạo tính dân tộc trong thơ và “thi pháp Việt Nam”. Mặc dù có sự đột phá về ngôn ngữ văn tự và thực tiễn nghệ thuật (thi liệu, thi luật, thi pháp,...), nhưng lí luận về thơ ca tiếng Việt vẫn chưa thực sự phát triển mạnh mẽ. Tư tưởng thi học lúc này vẫn chủ yếu là về thơ chữ Hán.

3.1.2. *Đặc điểm thơ ca thế kỉ XV - XVII và tư tưởng thi học*

Thơ ca thế kỉ X - XVII mang tính thống nhất khá cao so với giai đoạn trước tạo nên một dòng thơ chính thống chiếm lĩnh thi đàn. Hầu hết các tác phẩm đều là của các nhà Nho sùng Tống học, bởi vậy có thể nói chúng đều

thuộc phạm trù thơ “ngôn chí”, “tải đạo”. Đặc điểm nổi bật, xuyên suốt của loại thơ “ngôn chí”, “tải đạo” này là xu hướng hướng “duy lí hóa”, “lấy văn làm thơ” khô khan, ít chú ý đến sự trau chuốt hình thức, đến bản chất trữ tình, thâm mĩ của thơ ca. Bên cạnh đó, vẫn có một dòng thơ “lệch chuẩn” mà chúng tôi tạm gọi là “phi chính thống” với một số đặc điểm như: học theo phong cách trực cảm, duy mĩ của thơ Đường, hay trọng tình cảm, cá tính, trào phúng theo xu hướng phát triển nội tại của thơ ca. Đây là sự chuẩn bị sự phát triển đột khởi của thơ và tư tưởng thi học giai đoạn sau.

3.3. Tư tưởng thi học: các xu hướng và thành tựu cơ bản

3.3.1. Sự xác lập quan niệm về bản chất thể loại

Sự xác lập quan niệm về bản chất thể loại trong tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ XV - XVII trước hết liên quan đến sự hiện diện của mệnh đề “thi (đĩ) ngôn chí”. Nội hàm nguyên gốc của mệnh đề này khá rộng, nhưng ở đây, cách tiếp cận, lí giải mệnh đề này không ra ngoài nhận thức của nhà Nho. “Chí” ở đây đi liền với “đạo” và “tâm”. “Chí” cần được hiểu là “chí hướng”, hoài bão, gắn với những vấn đề quan tâm của Nho gia. Bên cạnh đó, các tác giả thế kỉ XV - XVII cũng đã đề cập nhiều đến cái “tình” trong thơ, thể hiện một sự chuyển biến nhất định trong nỗ lực tìm tòi nhận thức về bản chất của thơ, ngõ hầu vượt ra ngoài “phên dậu” của quan niệm “thi (đĩ) ngôn chí” khá hẹp của nhà Nho. Tuy nhiên, nỗ lực này chưa đạt được thành tựu rõ nét.

3.3.2. Sự xác lập quan niệm về “cách điệu”.

“Cách”, “điệu” xuất hiện khá sớm trong thi học Trung Hoa (thời Lục Triều). “Cách” có 3 nghĩa cơ bản: 1) thể cách, tiêu chuẩn, cách thức của thể thơ; 2) quy cách dùng ý, chọn hình ảnh, kĩ xảo; 3) phẩm cách hay phong cách đặc thù của thơ. “Điệu” có hai nghĩa chính: 1) chỉ cảm nhận của người đọc về phong mạo của tác giả và tác phẩm; 2) chỉ thanh điệu, vần, nhịp, đối ngẫu, niêm luật. Đến thời Đường, Tống, “cách”, “điệu” được ghép lại và dùng phổ biến để bình luận thơ ca, hội họa, từ khúc (chỉ phẩm cách). Đến thời Minh, Thanh, “cách điệu” được đẩy lên thành thuyết “cách điệu”, đề cao việc học tập thi pháp, âm điệu thơ Thịnh Đường. “Cách”, “điệu” và “cách điệu” đã được các tác giả thế kỉ XV - XVII chú ý, thảo luận, điển hình như: Lê Thánh Tông, Lã Chính Mô, Phùng Khắc Khoan, Vũ Công Đạo,... thể hiện sự chú ý đến vấn đề “thi pháp”. Tuy nhiên, do có xu hướng chịu ảnh hưởng của lí học và thơ thời Tống, các tư tưởng thi học gia thế kỉ XV - XVII có phần nghiêng về “cách” hơn “điệu” và “cách điệu” mới chỉ là các thức, quy cách, cốt cách cũng như phong cách chứ chưa thực sự trở thành thuyết “cách điệu” như ở Trung Hoa thời Minh, Thanh.

3.3.4. *Quan niệm về “thú”, “vị”*

Khác với sự sa sút trong quan niệm về “cảnh”, “tượng” (giai đoạn này vắng bóng, hoặc chuyển thành “khí tượng”, “ý cảnh”), quan niệm về “thú” (với nghĩa là “vị”) và “vị” lại có bước phát triển mới về lí luận so với giai đoạn trước với hai tên tuổi đáng chú ý như: Lí Tử Tấn và Hoàng Đức Lương. Lí Tử Tấn đề cập đến sự đa dạng của “thể thú” và đề cao sự “hài hòa” theo mỹ học cổ điển. Hoàng Đức Lương đề ra quan niệm “vị ngoại chi vị” và “sắc ngoại chi sắc” trong thơ và đề cao sự huyền diệu, “nhập thần” của nó. Sự xuất hiện quan niệm của Hoàng Đức Lương đánh dấu bước phát triển mới của tư tưởng thi học Việt Nam, nhất là sự tự giác văn học, tách văn học ra khỏi đạo học. Quan niệm của ông cũng là tiền đề cho sự xuất hiện của thuyết “thần vận” sau này.

3.3.4. *Sự định hình quan niệm về thơ Nôm*

Những phát biểu về thơ Nôm vẫn khá hiếm hoi, hầu hết vẫn nằm trong các tác phẩm chưa có những “chuyên luận” (như thơ chữ Hán). Điều đó cho thấy, quan niệm về thơ Nôm chưa được “tự giác” hoàn toàn. Tuy nhiên, so với giai đoạn trước, nó đã có được những bước tiến nhất định. Về bản chất, chức năng của thơ Nôm, ở giai đoạn này, quan niệm của các tác giả không khác quan niệm về thơ chữ Hán là mấy. Bên cạnh đó, một tác giả giai đã ý thức được: thơ Nôm là thể loại thích hợp cho việc bày tỏ nỗi niềm riêng tư, giải tỏa sâu muộn hay chí ít là tiêu khiển. Quan niệm về cảm hứng trong thơ Nôm cũng khá nổi bật, được đề cập sôi nổi và trội hơn so với thơ Hán. Về nghệ thuật, qua việc sáng tác của các tác giả chỉ có thể thấy rằng họ trân trọng thơ Nôm, rất quan tâm đến sự trau chuốt hình thức và đặc biệt là chú ý cách tân, làm mới thể loại theo hướng dân tộc hóa. Bên cạnh đó, dường như, cũng đã có những nỗ lực để điển chế hóa, luật hóa thơ Nôm của các triều đại đương thời. Vấn đề hình thức, thi pháp thơ Nôm đã được đặt ra, truy cầu, đánh giá trên thi đàn đương thời, cho thấy sự phát triển nhận thức về nghệ thuật thơ Nôm thế kỉ X-XVII, đánh dấu sự định hình “thi pháp Việt Nam” ở mức độ sơ khai.

Chương 4: TƯ TƯỞNG THI HỌC VIỆT NAM THẾ KỈ XVIII - XIX: “GIAI ĐOẠN KẾT TINH”

4.1. Bối cảnh xã hội - văn hóa thế kỉ XVIII - XIX và tư tưởng thi học

4.1.1. *Bức tranh tổng quan*

Sau gần hai thế kỉ (thế kỉ XVI, XVII) trải qua các cuộc nội chiến tương tàn, liên miên, về cơ bản, quốc gia Đại Việt đã có những quãng thời gian hòa hoãn, ổn định tương đối dài để có điều kiện tập trung phát triển kinh tế, xã hội - văn hóa. Chính trong cái không khí đó, tư tưởng thi học được vực dậy và phát triển ngày càng rầm rộ. Tuy nhiên, việc khôi phục lại vị trí độc tôn của Nho giáo thời thịnh trị gây tác động hạn chế sự phát triển của “tư tưởng thi học tự giác”. Nhưng hạn chế đó sẽ dần được khắc phục nhờ sức sống nội tại của tư tưởng thi học, đồng thời nhờ sự suy yếu và khủng hoảng của nền văn hóa học thuật và ý thức hệ chính thống. Các biến cố lịch sử cũng mở màn cho những thay đổi “không tiền khoáng hậu” trong nền văn hóa, văn học nước nhà. Sự xâm lược của thực dân Pháp đã cắt đứt đà phát triển đó, đồng thời chuẩn bị đưa Việt Nam sang một thời kì mới: thời kì hiện đại.

4.1.2. *“Tam giáo đồng nguyên”, “cư Nho mộ Thích” và tư tưởng thi học*

Thế kỉ XVIII là thế kỉ Nho giáo Việt Nam mang tính chất lí học hơn cả. Có thể nói, đây là thế kỉ hoàn tất quá trình “lí học hóa” Nho giáo Việt Nam với chủ trương “Tam giáo đồng nguyên”. Nhiều gương mặt tiêu biểu của thi học thế kỉ này đều ít nhiều phát biểu sự thâm nhuần tư tưởng thi học mang màu sắc “lí học”... xem thơ như một loại “tâm học”, chuyên bàn về “lí khí”, “tính lí”, “sự chính đáng của tính tình”, v.v... Sang thế kỉ XIX, bên cạnh thị hiếu đó, cũng xuất hiện xu hướng “bài Tống Nho”, chống lại sự xơ cứng, giáo điều của nó. Tình hình trên có tác động nhất định đến tư tưởng thi học mang màu sắc Nho giáo đương thời. Các quan niệm cổ điển của Nho giáo như “lục nghĩa”, “quan phong”, “mĩ thích”,... đã quay trở lại chi phối “tư tưởng thi học công lợi”. Phật giáo cũng được ái mộ theo chủ trương “cư Nho mộ Thích” đưa lại chủ trương “đĩ Thiên dụ thi” và những quan niệm thi học có liên quan khá tích cực.

4.2. Thực tiễn thơ thế kỉ XVIII - XIX với tư tưởng thi học

4.2.1. *Tình hình chung*

Giai đoạn này, hoạt động sáng tác thơ văn được khuyến khích rộng khắp từ trên xuống dưới, từ Bắc vào Nam qua nhiều hoạt động: sáng tác - tổ chức sáng tác, sưu tầm - tuyển chọn, phê bình - thưởng thức. Trong sinh hoạt thơ, ngoài sự xuất hiện của nhiều cá nhân xuất sắc, hình thức các thi xã, thi đàn các nhóm thơ phát triển khá mạnh, sản sinh nhiều quan niệm thi học tự giác. Thơ Nôm cũng được chú ý sáng tác, thưởng thức rất rầm rộ với một ý thức rõ ràng, tự giác hơn so với trước. Nhiều thể loại thơ trữ tình, trữ tình - tự sự, tự tình đậm đà bản sắc dân tộc xuất hiện phổ biến và đạt thành

tự to lớn. Thơ ca trung đại cũng dần kết thúc sứ mệnh của mình, để chuyển sang thời kì hiện đại.

4.2.2. *Các xu hướng thơ ca thế kỉ XVIII - XIX với tư tưởng thi học*

Trong thực tiễn thơ ca, ngoài xu hướng thơ ca chính thống (thơ ca Đạo học, thơ ca “yêu nước”) có ba đặc điểm đồng thời là ba xu hướng lớn sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng thi học, đó là: xu hướng “quý chân”, “chủ tình”, xu hướng “hiện thực - nhân đạo” (nhân văn) và xu hướng “phản Tống quy Đường”. Các xu hướng cho thấy sự vượt thoát khỏi Đạo học, kinh học để quay về với những giá trị nghệ thuật đích thực. Điều đó phản ánh sự tự giác văn học rất quan trọng trong tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX. Dĩ nhiên, trong đó cũng sẽ nảy sinh những tệ đoan như thói sùng cổ, sùng ngoại, sáo rỗng, “không bệnh mà rên”, dung tục. Nhưng những tệ đoan ấy rồi sẽ lại được các tác giả tiến bộ, bản lĩnh khác đương thời phê phán và khắc phục.

4.3. Tư tưởng thi học: những thành tựu lí thuyết nổi bật

4.3.1. *Nhận thức mới về bản chất thể loại: xu hướng “chủ tình”, “quý chân”*

Đến giai đoạn này, đã có những nỗ lực nhằm lí giải và biện luận sâu hơn về bản chất thể loại. Trên thực tế, mệnh đề “thi ngôn chí” lúc này chỉ còn là một công thức, một sáo ngữ làm căn cứ để các tác giả phát triển các quan niệm khá đa dạng của mình. Một số tác giả khác, do tiếp thu những tư tưởng thi học mới hơn từ Trung Hoa cũng như dựa trên sự thể nghiệm thực tế sáng tác đã đi đến những nhận thức khá sát thực, xác đáng, tiếp cận được bản chất trữ tình đích thực của thơ. Kéo theo đó, một số mệnh đề khác cũng lần lượt xuất hiện, như: “thi tâm thanh”, “thi phát hồ tình”, “thi căn tình”, “thi đào tình”, “bản vu tính tình”, “tính linh”, “thơ quý tự nhiên”, “thuyết tính linh”, v.v... tạo nên xu hướng “chủ tình”, “quý chân” trong tư tưởng thi học thế kỉ XVIII - XIX. Đây là một chuyển biến cực kì quan trọng làm thay đổi hẳn diện mạo và giá trị thơ ca Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX ở cả thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

4.3.2. *Thuyết “tam yếu”*

Một trong những thành tựu nổi bật của thi học giai đoạn này là quan niệm về quá trình sáng tạo thơ của Lê Quý Đôn và một số tác giả đương thời. Quan niệm đó thường được gọi là thuyết “tam yếu” (tình, cảnh, sự). Chúng tôi đã đi sâu tìm hiểu hai vấn đề: một là, nguồn gốc của thuyết “tam yếu” và hai là nội dung, giá trị của nó. Qua đó, chúng tôi rút ra kết luận: thuyết “tam yếu” của Lê Quý Đôn được rút ra từ thực tiễn sáng tác và sự chất lọc “tinh hoa lí luận” thơ Trung Hoa; thuyết này đã chỉ ra được những thành tố cơ bản của một tác phẩm thơ và phân tích một cách biện chứng mối quan hệ giữa các yếu tố đó

cũng như quá trình sáng tác thơ, một việc làm không thường gặp ở các tác giả văn học trung đại Việt Nam, chứng tỏ một trình độ lí luận khá cao, đồng thời cho thấy sự trưởng thành, độc lập nhất định của tư tưởng thi học Việt Nam.

4.3.3. *Thuyết “cách điệu”*

Thuyết “cách điệu” phổ biến ở Trung Hoa từ thời Minh với khí thế rất mạnh mẽ. Tuy nhiên, đến cuối thế kỉ XVIII, thuyết “cách điệu” mới bắt đầu hiện diện ở nước ta cùng với xu hướng trọng thị thơ Đường. Tuy nhiên, ảnh hưởng của nó chưa thực sự rõ ràng, hoàn chỉnh ở Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ, Nguyễn Du,... Phải đến đầu thế kỉ XIX, thuyết “cách điệu” mới thực sự phát triển mạnh cùng với xu thế ngưỡng mộ, học tập thơ Đường ở một số tên tuổi: Trịnh Hoài Đức, Phan Huy Chú, Hà Tông Quyền, Phan Thúc Trực,... Đến Miên Thẩm, Miên Trinh, Tự Đức, Quân Bác, Miên Tuấn, v.v... thuyết cách điệu đã thực sự rõ nét. Tuy nhiên, cũng có không ít những ý kiến dị nghị, bất mãn với thuyết cách điệu (thuyết tính linh,...). Càng đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, ảnh hưởng của thuyết cách điệu càng suy giảm vì sự lạc hậu, lỗi thời, khuôn sáo và đặc biệt “bảo hoàng”.

4.3.4. *Thuyết “thần vận”*

“Thần” là cái chân bộc lộ ra bên ngoài của hình tượng, “vận” là cái xa xôi của âm thanh. “Thần vận” là sự kết hợp của “thần” và “vận”, xuất hiện thời Lục Triều ở Trung Hoa. Hạt nhân của lí thuyết này đã xuất hiện từ thời Đường, Tống với Tư Không Đồ, Thích Hiệu Nhiên và Nghiêm Vũ. Tuy nhiên, dùng “thần vận” để bàn về thơ thì phải đến thời Minh mới bắt đầu và từ đó dần dần hình thành một lí thuyết thơ khá quan trọng là thuyết “thần vận”. Thuyết thần vận nhấn mạnh đến hiện tượng “hứng hội”, “nhập thần”; đề cao các phẩm chất *thanh viễn, hàm súc, bình đạm* trong thơ, chủ trương học tập tinh thần thơ Đường. Ở thế kỉ XVIII, dưới ảnh hưởng Tống học, thuyết thần vận chưa có diện mạo rõ rệt (ngoại trừ sự đề cao “thần”). Phải đến khoảng nửa đầu thế kỉ XIX, thuyết thần vận mới được tiếp thu, phát biểu một cách đậm nét hơn, đặc biệt là ở Miên Thẩm, Miên Trinh, Quân Bác, Miên Tuấn, v.v... Tuy nhiên, càng về thời hiện đại, nó càng thu hẹp ảnh hưởng do không hợp thời.

4.3.5. *Thuyết “tính linh”*

“Thuyết tính linh” nảy nở ở thời Minh và chín muồi vào thời Thanh. “Tính” là phẩm chất, tính tình. “Linh” là tinh thần ban sơ thiêng liêng, đồng thời là sự linh hoạt, biến hóa. “Tính linh” là tình cảm, tính tình, đồng thời là khả năng nắm bắt và thể hiện tình cảm đó của nhà thơ một cách biến hóa, linh hoạt, sáng tạo. Ở Việt Nam thế kỉ XVIII, về cơ bản, cũng có những hiện tượng (hay

tiền đề) này để thuyết “tính linh” có mặt ở Việt Nam. Khái niệm “tính linh” cũng đã hiện diện trong thi học. Tuy nhiên, phải đến giữa thế kỉ XIX, “thuyết tính linh” ở Việt Nam mới thực sự được định hình với các tên tuổi như Cao Bá Quát, Trương Đăng Quế, Bùi Văn Hi, Bùi Văn Di, Vương Duy Trinh,... Có thể thấy ảnh hưởng của thuyết tính linh đến tư tưởng thi học Việt Nam khá sâu sắc, mới mẻ, mà dấu ấn của nó còn vắt sang cả thời hiện đại (đầu thế kỉ XX).

4.3.6. *Nhận thức về thơ quốc âm*

Cùng với sự phát triển rực rỡ của nền thơ ca chữ Nôm, đã có sự thay đổi nhất định trong quan niệm. Trước hết, phạm vi quan tâm đã được mở rộng: thơ Nôm được quan tâm bàn luận ở đây bao gồm cả thơ Nôm Đường luật, lục bát, song thất lục bát (bác học) thơ ca trù lẫn thơ ca dân gian (phong dao, dân ca); cả lĩnh vực sáng tác và dịch thuật. Thứ đến, phương thức thể hiện nhận thức cũng tiến triển hơn: cả gián tiếp và trực tiếp. Cuối cùng và quan trọng nhất là nội dung nhận thức cũng ở tầm cao mới, trong đó nổi lên hai vấn đề nổi bật: *quan niệm về bản chất, chức năng và nhận thức về giá trị, đặc điểm nghệ thuật của các thể thơ quốc âm.*

Về bản chất trữ tình của thơ Nôm, kế thừa giai đoạn trước, giai đoạn này đã cất lên những lời khẳng định mạnh mẽ, rõ ràng hơn phản ánh khuynh hướng “quý chân”, “chủ tình”. Nếu như ở giai đoạn trước, bản chất trữ tình của thơ Nôm mới được khẳng định trong thơ Nôm của các nhà Nho, quân tử (bác học) thì ở đây, nó đã được khẳng định trong thơ Nôm của người bình dân (ca dao, phong dao,...). Điều đó khẳng định xu hướng dân chủ hóa tư tưởng thi học về thơ Nôm. Đi đôi với bản chất trữ tình, chức năng giải trí, tiêu khiển của thơ Nôm cũng được đông đảo tác giả thừa nhận. Quan niệm về chức năng thơ Nôm khá phóng khoáng, cởi mở như vậy đã góp phần “cởi trói” cho thơ Nôm khỏi gánh nặng “tải đạo”, “thi giáo” để tiếp cận gần hơn với đặc trưng nghệ thuật của thể loại, giúp thơ Nôm có những bước tiến vượt bậc về mặt nội dung và nghệ thuật.

Nhận thức về giá trị, đặc điểm nghệ thuật của các thể thơ Nôm cũng có bước tiến xa. Các tác giả thế kỉ XVIII - XIX nỗ lực đi tìm những ưu điểm khả thủ của nó nhằm chứng minh: thơ Nôm có giá trị nghệ thuật, có điểm đặc sắc riêng. Sự dè dặt với nội dung có lẽ lớn hơn sự dè dặt về mặt nghệ thuật. Vì vậy, các tác giả thế kỉ XVIII - XIX thiên về tìm tòi, khẳng định giá trị, đặc điểm nghệ thuật của thơ Nôm và để lại nhiều ý kiến tương đối có giá trị, thể hiện xu thế thơ Nôm ngày càng được trọng vọng, chú ý hơn. Điều này cho thấy sự liên hệ của xu hướng trọng thị thơ Nôm này với phong khí học thuật đang chuyển

mình mạnh mẽ đương thời. Đó là một sự tiếp nối liên tục, không đứt đoạn như nhiều người thường nghĩ về sự chuyển biến tư tưởng thi học trung đại sang hiện đại.

KẾT LUẬN

1. Tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX ra đời và phát triển dưới sự tác động của các nhân tố: thực tiễn thơ, tư tưởng - ý thức hệ, ảnh hưởng của tư tưởng thi học Trung Hoa và đằng sau tất cả là bối cảnh xã hội - văn hóa rộng lớn, đa dạng, phức tạp. Trong các nhân tố ấy, thực tiễn thơ quyết định sự ra đời và luôn luôn có tác động điều chỉnh hướng phát triển của tư tưởng thi học Việt Nam theo yêu cầu của thời đại. Tuy nhiên, tư tưởng thi học Việt Nam thời kì này mới chỉ được xây dựng phần nhiều dựa trên nền tảng thực tiễn thơ chữ Hán. Ảnh hưởng của tư tưởng thi học Trung Hoa có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến nội dung và tính chất của tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX. Tư tưởng thi học Việt Nam đã liên tục hấp thu những quan niệm cơ bản của tư tưởng thi học Trung Hoa một cách gần như đồng bộ, song hành nhưng đây tính “khúc xạ”, để xây dựng thành một hệ thống riêng có tính chất giản lược, tổng hợp và điều hoà, phù hợp với thực tiễn thơ của dân tộc. Cơ sở tư tưởng - ý thức hệ có tác động gián tiếp, hết sức tinh vi, phức tạp đối với sự phát triển của tư tưởng thi học. Cơ sở tư tưởng - ý thức hệ ở đây chính là sự tồn tại trong thế vừa bài trừ, vừa đan xen thâm nhập lẫn nhau của Nho giáo, Phật giáo, Đạo gia và các luồng tư tưởng văn hóa nội sinh. Tùy từng thời điểm, từng hoàn cảnh, các học thuyết, các luồng tư tưởng văn hóa nội sinh có tác động khác nhau đến tư tưởng thi học. Nhìn chung, tác động của Nho giáo (nổi bật là Tống Nho) là chủ đạo, nhưng có xu hướng nhạt dần và tiến tới bị xóa bỏ.

2. Sự phát triển của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam trải qua ba giai đoạn rõ nét: thế kỉ X - XIV; thế kỉ XV - XVII; thế kỉ XVIII - XIX. Thế kỉ X - XIV có thể gọi là giai đoạn chuẩn bị, “phôi thai”, tạo những tiền đề cần thiết cho sự ra đời chính thức của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam. Nói “thế kỉ X - XIV”, nhưng trên thực tế tư liệu hiện còn thì đến thế kỉ XII, XIII mới xuất hiện những “dấu ấn” tư tưởng thi học đầu tiên. Những “dấu ấn” này cũng rất tản mạn và hầu hết dưới dạng gián tiếp (tác phẩm). Thế kỉ X - XIV là giai đoạn tư tưởng thi học Việt Nam có những nhận thức ban đầu (phần nhiều mang tính tự phát, hồn nhiên) về nghệ thuật thơ, phản ánh một thời đại tương đối phóng khoáng, cởi mở. Thế kỉ XV - XVII là giai đoạn tư tưởng thi học Việt Nam

chính thức “định hình” và đã đạt được những thành tựu nhất định, nhất là “tư tưởng thi học công lợi”. Nếu như đặt trong tổng thể tư tưởng thi học trung đại Việt Nam, hai giai đoạn này (gộp thành một giai đoạn lớn: thế kỉ X-XVII) lại là tiền đề cho giai đoạn thứ ba, thế kỉ XVIII - XIX, giai đoạn “kết tinh” mà thành tựu để lại khá phong phú, có hệ thống hơn. Cùng với sự “phục hưng” của văn học dân tộc, ở giai đoạn này, “tư tưởng thi học tự giác” trỗi dậy phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu. Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong lịch sử tư tưởng thi học trung đại Việt Nam. Đầu thế kỉ XX (khoảng 1900 đến 1930) là giai đoạn giao thời. Một số thành tựu đã có từ các giai đoạn trước được bảo lưu, nhưng không còn thích hợp với buổi đầu của thời đại mới, đã kết thúc sứ mệnh của chúng, để chuẩn bị cho sự xuất hiện của một hệ hình tư tưởng thi học mới (tư tưởng thi học hiện đại). Đây là một vấn đề phức tạp và thú vị, cần được tiếp tục đào sâu, nghiên cứu.

3. Sự phát triển tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX chia làm 2 bộ phận: tư tưởng thi học về thơ chữ Hán và tư tưởng thi học về thơ chữ Nôm. Hai bộ phận có những đặc điểm phát triển chung (do có chung chủ thể sáng tạo) nhưng cũng có những khác biệt về bản chất. Bộ phận tư tưởng thi học về thơ chữ Hán là dòng chính, phát triển phong phú và thể hiện diện mạo chính của tư tưởng thi học Việt Nam thời trung đại. tư tưởng thi học về thơ chữ Hán chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng thi học Trung Hoa, phát triển theo những xu thế lớn của nó. Bên cạnh đó, nó cũng đã thể hiện nỗ lực dân tộc hóa, bản địa hóa của các tác giả Việt Nam và đạt được những kết quả nhất định. Bộ phận tư tưởng thi học về thơ Nôm là dòng phụ, thành tựu khiêm tốn hơn khá nhiều, nhưng lại có những ưu thế như: thể hiện đậm đà tính dân tộc, nhân dân; tính thẩm mỹ, nghệ thuật. Bộ phận này không phải không chịu ảnh hưởng của tư tưởng thi học về thơ chữ Hán (và qua đó là tư tưởng thi học Trung Hoa), nhưng vốn xuất phát nhiều từ thực tiễn sáng tác độc đáo, riêng biệt, tư tưởng thi học về thơ Nôm có được bản sắc nhất định, thể hiện sự độc lập tương đối, phát triển chủ yếu dựa trên quy luật nghệ thuật nội tại. Hai bộ phận này bổ sung cho nhau tạo nên bức tranh toàn diện hơn (dù chưa cân đối và tương xứng) của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam.

4. Tư tưởng thi học trung đại Việt Nam là một chỉnh thể thống nhất, phát triển đồng bộ. Tuy nhiên, nó cũng có tính chất vùng miền nhất định. Đàng Ngoài là vùng tư tưởng thi học phát triển lâu đời nhất, để lại khá nhiều thành tựu. Tư tưởng thi học Đàng Ngoài luôn đề cao nội dung, đề cao tính thực tiễn (“công lợi”), đề cao sự chân thực của thơ, dè dặt với vấn đề hình thức và cách

tân thể loại. Cũng vì vậy, tư tưởng thi học Đàng Ngoài có mặt trái là tính bảo thủ, thủ cựu nhất định. tư tưởng thi học Đàng Ngoài cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng - ý thức hệ (Nho giáo), nên có lúc rơi vào giáo điều, khuôn sáo (nhất là ở thời Lê). Điều này sẽ được tư tưởng thi học Đàng Trong bổ sung, khắc phục. Đàng Trong là vùng phát triển sau, tư tưởng thi học còn non trẻ. Nhưng đó cũng là ưu điểm của tư tưởng thi học vùng này bởi nó là mảnh đất tốt để tiếp thu, truyền bá, kế thừa các thành tựu mới từ bên ngoài mang tính cởi mở, phóng khoáng hơn. tư tưởng thi học Đàng Trong cũng ít bị ràng buộc, chế định trong phạm vi ảnh hưởng của Nho giáo. Chính vì vậy, tư tưởng thi học Đàng Trong có tính khai mở hơn, độc lập hơn, chú ý hơn đến vấn đề hình thức và sự cách tân, chú ý đến tính nghệ thuật. Nhưng tư tưởng thi học Đàng Trong lại có điểm yếu là gốc gác, bản lĩnh, bản sắc không mạnh, chịu nhiều lệ thuộc vào tư tưởng thi học ngoại lai. Tuy nhiên, ngay cả tư tưởng thi học mang tính vùng miền này cũng không tồn tại một cách tĩnh tại, cố hữu mà luôn có sự vận động, giao hòa, kết hợp. Đến thế kỉ XIX, trong xu thế thống nhất quốc gia, tư tưởng thi học hai miền đã xích lại gần nhau, bổ sung cho nhau. Khi được bổ sung cho nhau thì chính tư tưởng thi học Đàng Ngoài lại “lắng đọng”, “kết tinh” được nhiều thành tựu hơn, tỏ ra thích ứng hơn với quá trình hiện đại hóa. Khi nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX, cần phải chú ý đến tính chất vùng miền này để lí giải một số hiện tượng cụ thể.

5. Tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX, vận động và phát triển khá phức tạp, khúc khúc do chịu tác động của nhiều nhân tố bên trong và bên ngoài. Tuy nhiên, là một hiện tượng tinh thần, nó cũng đi theo những quy luật, xu hướng phát triển nội tại. Tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX có những bước phát triển khá rõ qua các giai đoạn. Các thành tựu cơ bản cũng đã được xác lập và có sự vận động theo thời gian. Từ đó, các xu thế, đường hướng phát triển lớn của tư tưởng thi học đã định hình. Có thể khái quát thành mấy quy luật (xu thế) phát triển của tư tưởng thi học trung đại Việt Nam như: xu thế tách tư tưởng thi học khỏi ảnh hưởng của tư tưởng - ý thức hệ (đặc biệt là Nho giáo) hay sự chuyển hóa từ “tư tưởng thi học công lợi” sang “tư tưởng thi học tự giác”; xu thế hoàn thiện tư duy lí thuyết (tính lí luận, tính hệ thống); xu thế dân tộc hóa về mặt tư tưởng trong tương quan với tư tưởng thi học Trung Hoa đồ sộ đương thời (tính dân tộc, tính tự chủ); xu thế hiện đại hóa. Xu thế tách tư tưởng thi học khỏi ảnh hưởng của tư tưởng - ý thức hệ thể hiện ở chỗ, bản chất chủ quan, trữ tình, đặc trưng nghệ thuật và chức năng

thẩm mỹ của thơ ngày càng được nhận thức một cách rõ ràng, đúng đắn. Đến cuối thế kỉ XIX, các vấn đề này cơ bản từng bước được giải quyết một cách toàn diện và thấu đáo hơn. Xu thế dân tộc hóa của tư tưởng thi học thể hiện ở tính độc lập tương đối của nó với Trung Hoa, ý thức tiếp thu có chọn lọc ảnh hưởng của tư tưởng thi học ngoại lai, nỗ lực xây dựng một nền thi học riêng với những lí thuyết, những quan niệm riêng, đặc biệt là nỗ lực nhận thức về thơ Nôm. Xu thế hoàn thiện tư duy lí thuyết được minh chứng qua sự hệ thống hóa, nâng cao trình độ lí luận của các tri thức tản mạn, hình thành nên các lí thuyết, các xu hướng tư tưởng thi học ở nước ta (đặc biệt là ở thế kỉ XVIII - XIX). Xu hướng hiện đại hóa thể hiện ở những thành tựu của tư tưởng thi học trung đại còn được kế thừa, phát triển ở thời hiện đại. Nhìn một cách tổng thể, các xu hướng trên lại nằm trong một xu hướng bao trùm, đó là xu hướng phát triển theo vòng tròn xoáy tròn ốc: ban đầu (giai đoạn X - XIV), tư tưởng thi học Việt Nam phát triển tự phát, hồn nhiên, đầy tính độc lập và tính nghệ thuật, tính lí luận chưa nhiều; tiếp đó (giai đoạn XV - XVII), tư tưởng thi học chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng - ý thức hệ (nhất là Nho giáo) và tư tưởng thi học ngoại lai (Trung Hoa), chưa có nhiều sáng tạo, tính lí luận vẫn còn tản mạn; cuối cùng (giai đoạn XVIII - XIX), tư tưởng thi học lại quay trở về lãnh địa nghệ thuật, quay về với tính tự chủ, dân tộc (ở mức độ nhất định) nhưng ở một trình độ cao hơn, đầy tính tự giác.

6. Nghiên cứu tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX nói chung và sự phát triển của tư tưởng thi học Việt Nam thế kỉ X - XIX nói riêng là một vấn đề cực kì phức tạp, khó khăn bởi đây là vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, lí luận, lại gặp nhiều cản trở, từ khâu cơ bản nhất là tư liệu cho đến khâu thẩm định, đánh giá. Bởi vậy, những gì chúng tôi vạch ra trên đây mới chỉ là những kết quả, những hình dung ban đầu có tính sơ lược, dựa trên những nét lớn. Để có được cái nhìn tổng thể, khái quát đó, trên thực tế, chúng tôi đã phải bỏ qua những hiện tượng mang tính đơn lẻ, cụ thể mà rất đa dạng, nhiều vẻ trong tư tưởng thi học trung đại Việt Nam. Chúng tôi cũng chưa có điều kiện đi sâu vào từng hiện tượng cụ thể. Để lấp đầy những khoảng trống, cũng như bổ khuyết cho sự khái quát của chúng tôi, cần có ngày càng nhiều hơn những công trình nghiên cứu chuyên sâu, cụ thể. Ngược lại, các công trình chuyên sâu, cụ thể như thế sẽ cho các kết quả mà tác dụng của chúng là điều chỉnh, kiểm chứng cho những kết luận còn để ngỏ của chúng tôi. Và như vậy, luận án này là công trình mở, luôn luôn đón chờ mọi ý kiến góp ý, chỉ chính của độc giả./.